

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Pép Ê Ban

Ông Bạch Đình Ca

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hoài – là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1997 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Số nhà A, thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Bùi Quốc M, sinh năm 1994 – Vắng mặt

Nơi cư trú: Số nhà B, thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Bùi Quốc M đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 17/10/2017. Sau khi về chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung

của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông Bùi Quốc M không chịu chăm lo kinh tế cho gia đình, thường xuyên chơi bời, nên hiện nay không còn tình cảm yêu thương, chăm sóc nhau nữa, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nguyện vọng của bà Trần Thị N xin được ly hôn với ông Bùi Quốc M.

Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Bùi Quốc M có 02 con chung là cháu Bùi Thị Trà M1, sinh ngày 12/01/2019 và cháu Bùi Trần Đăng K, sinh ngày 12/9/2021.

Khi ly hôn bà Trần Thị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Bùi Thị Trà M1, cháu Bùi Trần Đăng K và không yêu cầu ông Bùi Quốc M cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị N làm nghề buôn bán, thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi các cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Bùi Quốc M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: ông Bùi Quốc M và bà Trần Thị N đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 17/10/2017. Sau khi về chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng xuất phát từ việc đời sống chung không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung; đồng thời bà N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên mong muốn ly hôn. Tuy nhiên, ông M không đồng ý ly hôn. Mặc dù hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, nhưng ông M vẫn đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng có thêm thời gian hàn gắn, đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Trà M1, sinh ngày 12/01/2019 và cháu Bùi Trần Đăng K, sinh ngày 12/9/2021 do không đồng ý ly hôn nên ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Trần Thị N được ly hôn với ông Bùi Quốc M và giao cháu Bùi Thị Trà M1, sinh ngày 12/01/2019 và cháu Bùi Trần Đăng K, sinh ngày 12/9/2021 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đề nghị bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Trần Thị N đề ngày 17/6/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Tại thời điểm bà Trần Thị N làm đơn khởi kiện, bị đơn Bùi Quốc M cư trú tại số nhà B thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về chấp hành quy định pháp luật: Tại phiên tòa lần hai, bị đơn ông Bùi Quốc M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà Trần Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Bùi Quốc M chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 17/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình tham gia tố tụng, bà Trần Thị N và ông Bùi Quốc M xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương xác định mâu thuẫn giữa bà Trần Thị N và ông Bùi Quốc M trầm trọng, được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần cho về đoàn tụ nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân không còn chung sống với nhau.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”

Theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tối cao *“Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* là thuộc một trong các trường hợp sau đây: *“Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng”*

Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên cho thấy việc bà Trần Thị N và ông Bùi Quốc M sống với nhau không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân, HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho bà Trần Thị N được ly hôn với ông Bùi Quốc M là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Trần Thị N và ông Bùi Quốc M có 02 con chung là cháu Bùi Thị Trà M1, sinh ngày 12/01/2019 và cháu Bùi Trần Đăng K, sinh ngày 12/9/2021. Hiện nay, các cháu đang do bà Trần Thị N chăm sóc, bà Trần Thị N có nguyện vọng sau khi ly hôn thì xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung cho đến lúc các cháu trưởng thành. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Quốc M không có ý kiến về con chung. Xét thấy, nguyện vọng của bà Trần Thị N là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao các con chung cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Ông Bùi Quốc M được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị N không yêu cầu ông Bùi Quốc M cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị N và ông Bùi Quốc M không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5- Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị N được ly hôn với ông Bùi Quốc M.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Trà M1, sinh ngày 12/01/2019 và cháu Bùi Trần Đăng K, sinh ngày 12/9/2021 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Ông Bùi Quốc M được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Bùi Quốc M không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị N không yêu cầu ông Bùi Quốc M cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị N và ông Bùi Quốc M không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004501 ngày 11/7/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà Trần Thị N, bị đơn ông Bùi Quốc M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 5- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 5- Đắk Lắk;
- **UBND xã Ea Na;**
- Các đương sự;
- ;
- Lưu VP, Hồ sơ.

(Đã ký)

Chu Anh Hùng